

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng khu dân cư Đa Kia, quy mô: diện tích 400.951,59 m², dân số 5.383 người tại xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ninh Phong làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng khu dân cư Đa Kia, quy mô: diện tích 400.951,59 m², dân số 5.383 người tại xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ninh Phong làm chủ đầu tư;*
- Xét ý kiến và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1432/STNMT-CCBVMT ngày 15 tháng 6 năm 2023 và Tờ trình số 266/TTr-STNMT ngày 15 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng khu dân cư Đa Kia, quy mô: diện tích 400.951,59 m², dân số 5.383 người (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ninh Phong (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.



Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bù Gia Mập, Chủ tịch UBND xã Đa Kì, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ninh Phong và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-05-QBPD-20/6).

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ ĐA KIA, QUY MÔ: DIỆN TÍCH 400.951,59 M²,
DÂN SỐ 5.383 NGƯỜI TẠI XÃ ĐA KIA, HUYỆN BÙ GIA MẬP,
TỈNH BÌNH PHƯỚC DO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NINH PHONG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

*(Kèm theo Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)*

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Khu dân cư Đa Kia, quy mô: diện tích 400.951,59 m², dân số 5.383 người.

- Chủ Dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ninh Phong.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Tôn Đức Thắng, khu phố 2, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tuấn Anh; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

1.2. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 400.951,59 m², dân số 5.383 người.

1.3. Công nghệ của Dự án: Đầu tư xây dựng khu dân cư.

1.4. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Đất giao thông khu vực và hành lang bảo vệ đường bộ, đất đơn vị ở (đất công cộng; đất thương mại, dịch vụ; đất trường học; đất cây xanh; đất ở; đất hạ tầng kỹ thuật; đất giao thông đơn vị ở).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Trong giai đoạn triển khai xây dựng: Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển; bụi, khí thải từ các hoạt động hàn xì, cắt kim loại; khí thải từ hoạt động trải nhựa; nước thải sinh hoạt; nước thải thi công xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày, thành phần chủ yếu là cặn bản và các chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 10 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Nước thải sinh hoạt*: Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 746,99 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu chứa các chất ô nhiễm gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi từ quá trình san nền, đào móng*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng 399 mg/m³.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công*: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ các hoạt động hàn xì, cắt kim loại*: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x...

- *Bụi và khí thải từ hoạt động phối đá, trộn bê tông, xây dựng công trình nhà ở, trải nhựa*: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, CO, NO₂, SO₂, CO, VOC.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi và khí thải từ hoạt động giao thông*: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

- *Khí thải và mùi hôi từ rác thải sinh hoạt, khu xử lý nước thải tập trung*: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: CO₂, NH₃, H₂S, CO...

3.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Khối lượng phát sinh trong suốt quá trình xây dựng khoảng 83,654 tấn, chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng phế thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 90 kg/ngày, chủ yếu là rác thực phẩm, vỏ bao bì, gói, hộp đựng bằng nhựa, giấy, thủy tinh, kim loại...

- *Chất thải nguy hại*: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng khoảng 225 kg bao gồm các loại chất thải như: Giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải; thùng chứa dầu nhớt thải; bóng đèn huỳnh quang thải; que hàn thải...

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 4.306,4 kg/ngày, thành phần bao gồm: Rác thực phẩm, giấy, ni lông, carton, vải, gỗ, thủy tinh, xà bần, kim loại...

- *Chất thải rắn thông thường*:

+ Chất thải rắn phát sinh từ khu vực công trình dịch vụ, công cộng khoảng 860,8 kg/ngày.

+ Rác đường phố phát sinh khoảng 1.188,33 kg/ngày.

+ Tổng lượng bùn phát sinh từ bể tự hoại khoảng 440,7 m³/năm.

+ Tổng khối lượng bùn phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải khoảng 7.731,36 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học lẫn các vi sinh vật.

- *Chất thải nguy hại*: Lượng chất thải nguy hại phát sinh của Dự án khoảng 1.567,9 kg/năm bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; pin, ắc quy thải; các thiết bị linh kiện điện tử thải; các loại dầu mỡ thải; bao bì cứng thải bằng nhựa...

3.4. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- *Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án*: Tiếng ồn, rung gây ra do phương tiện vận tải từ việc chuyên chở bốc dỡ vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ thi công trên công trường xây dựng như máy xúc, máy ủi, máy trộn bê tông, máy khoan, máy nén khí...

- *Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động*: Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

4.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng*: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom vào hố lắng sơ bộ bằng đất, lót bạt HDPE có kích thước: dài x rộng x sâu = 2 m x 3 m x 1,5 m. Bụi, đất, cát có trong nước thải được lắng xuống và phần nước sau lắng được tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi và trộn bê tông của giai đoạn xây dựng.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng 2 nhà vệ sinh di động với dung tích hầm chứa phân là 400 lít/hầm. Khi các hầm chứa tại các nhà vệ sinh di động đầy, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt của công nhân phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi và trộn bê tông của giai đoạn xây dựng.



4.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:*

Chủ Dự án xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải riêng biệt. Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, công trình dịch vụ, khu vực công cộng được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, sau đó lượng nước thải này được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

Trong giai đoạn đầu, khi chưa có hệ thống thu gom nước thải của khu vực đi qua Dự án, Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 900 m³/ngày.đêm được chia thành 03 module có quy trình công nghệ tương tự nhau. Giai đoạn đầu Chủ Dự án xây dựng module 01, công suất 300 m³/ngày.đêm. Khi lượng nước thải của giai đoạn 1 cần được xử lý đạt 85% công suất của module 1 và Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu vực đi qua, Chủ dự án tiếp tục xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung module 2 công suất 300 m³/ngày.đêm. Khi lượng nước thải của giai đoạn 2 cần được xử lý đạt 85% công suất của module 2 và Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực đi qua, Chủ dự án tiếp tục xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung module 3 công suất 300 m³/ngày.đêm.

Mỗi module có quy trình công nghệ như sau: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn → Hồ thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể đệm → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT (k = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sau đó được dẫn theo đường ống HDPE D400 xả ra suối cách Dự án khoảng 730 m. Cống thoát nước thải của Dự án đi qua đất dân, do đó, Chủ Dự án tự thỏa thuận với các hộ dân để đầu tư, đấu nối cống thoát nước thải của Dự án ra suối.

Trong trường hợp khu vực Dự án có hệ thống thu gom nước thải, Chủ Dự án có trách nhiệm đấu nối để được thu gom, xử lý theo quy định.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của mỗi module có công suất 300 m³/ngày.đêm:

STT	Công trình	Kích thước: dài x rộng x cao (m)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
1	Hồ thu gom	5,0 × 5,0 × 6,0	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
2	Bể tách dầu mỡ	4,6 × 1,5 × 4,2	01	
3	Bể điều hòa	5,95 × 4,6 × 4,2	01	
4	Bể đệm	1,1 × 1,1 × 4,2	01	
5	Bể anoxic	Diện tích: 17,1 m ² ; Chiều cao: 4,2 m	01	
6	Bể aerotank	7,7 × 3,5 × 4,2	01	
7	Bể lắng sinh học	4,7 × 4,7 × 4,2	01	
8	Ngăn thu bùn bể lắng	1,35 × 1,0 × 4,2	01	
9	Bể trung gian	1,95 × 1,0 × 4,2	01	
10	Bồn lọc cát	Đường kính: 1,05 m; Chiều cao: 2,4 m	02	
11	Bể khử trùng	2,8 × 1,0 × 4,2	01	
12	Bể chứa bùn	3,5 × 1,6 × 4,2	01	

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải phát sinh của Dự án phải xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT (k = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sau đó được dẫn theo đường ống HDPE D400 xả ra suối cách Dự án khoảng 730 m.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

4.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng*: Tưới nước giảm bụi, sử dụng vật che chắn bằng tôn cao 2 m để giảm lượng bụi phát sinh...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển, máy móc thiết bị*: Che phủ hợp lý để tránh phát tán bụi, sử dụng các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, các phương tiện phải giảm tốc độ khi ra vào Dự án và tắt máy khi bốc dỡ...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động phối đá, trộn bê tông, xây dựng công trình nhà ở, trải nhựa*: Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân, sử dụng ô tô trải nhựa hiện đại, đảm bảo máy móc thiết bị thi công luôn nằm trong trạng thái kỹ thuật an toàn...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động hàn xì, cắt kim loại*: Bố trí khu vực hàn xì ở nơi có ít người qua lại và cuối hướng gió; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

4.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông*: Đảm bảo diện tích trồng cây xanh trong khu dân cư, bố trí nhân viên vệ sinh, quét đường, xe phun rửa đường...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi từ chất thải rắn sinh hoạt và khu xử lý nước thải tập trung*: Bố trí các thùng rác có nắp đậy; thực hiện thu gom rác vào thời điểm nhất định; hệ thống thu gom nước thải được xây kín; thường xuyên kiểm tra lượng vi sinh trong bể; vận hành đúng kỹ thuật; trồng cây xanh quanh hệ thống xử lý nước thải...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về



bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

4.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại:

4.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ đối với đất, đá, gạch... Đối với lượng đất còn dư, trường hợp Chủ Dự án di dời lượng đất dư này ra ngoài khu vực Dự án thì phải thực hiện các thủ tục liên quan đến khai thác khoáng sản theo quy định tại Luật Khoáng sản, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng, Chủ Dự án thu gom về kho chứa chất thải rắn tạm thời có diện tích 6 m² theo dạng nhà tiền chế, tường và mái bằng tôn để lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ Dự án trang bị 03 thùng chứa rác HDPE với thể tích 120 lít có nắp đậy để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Được thu gom, phân loại vào thùng chứa HDPE dung tích 60 lít, có nắp đậy sau đó lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 6 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt quét sơn nước, mái lợp tôn, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại (nhà chứa chất thải nguy hại này sử dụng cho cả giai đoạn xây dựng và hoạt động). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

4.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình:* Chủ Dự án đầu tư các thùng chứa HDPE theo màu sắc khác nhau để phân loại rác dung tích 120 lít, có nắp đậy trên các trục đường, khoảng cách của các

thùng là từ 60 m - 80 m/thùng để các hộ dân bỏ rác. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom rác hằng ngày tại từng hộ gia đình vào khung giờ cố định.

- *Biện pháp giảm thiểu đối với rác thải đường phố:* Được thu gom, phân loại bằng các thùng rác có dung tích 120 lít có nắp đậy, bố trí trên các tuyến đường với khoảng cách 200 m/thùng. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn phát sinh từ công trình dịch vụ, khu vực công cộng:* Bố trí các thùng rác bằng nhựa HDPE có nắp đậy để thu gom rác, phân loại rác thải. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bùn từ hệ thống xử lý nước thải:* Bùn được lưu trong bể chứa bùn và Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Bùn từ bể tự hoại:* Các hộ gia đình, công trình dịch vụ, khu vực công cộng hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý bùn trong từng bể tự hoại theo quy định của pháp luật hiện hành.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa HDPE, có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 6 m², kết cấu: tường bao quanh bằng gạch, nền bê tông, mái lợp tôn, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

4.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- *Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Quy định tốc độ lưu thông tối đa của các loại xe bên trong khu dân cư; trồng cây xanh tạo hành lang cách ly...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án và quá trình vận hành của Dự án.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:



- *Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ:* Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy chữa cháy; đầu tư các thiết bị phòng cháy chữa cháy; bố trí đường ống dẫn nước chống cháy theo mạng lưới vòng tại tất cả các khu vực chính; đặt các họng cứu hỏa tại các điểm gần các khu chức năng thuận tiện cho việc chữa cháy...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố vỡ đường ống cấp nước, thoát nước thải:* Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và đạt yêu cầu kỹ thuật; thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng công trình; khi có sự cố vỡ ống nước xảy ra cần nhanh chóng xử lý kịp thời...

- *Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên kiểm tra, giám sát để phát hiện kịp thời sự cố của các bể để có biện pháp cải tạo, điều chỉnh kịp thời.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO_x, CO, SO₂.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong quá trình thi công xây dựng.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát nước thải sinh hoạt:

* Trường hợp chưa có hệ thống thu gom nước thải tập trung đi qua khu vực Dự án:

- Vị trí giám sát: 01 điểm đầu vào, 01 điểm đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1).

* Trường hợp hệ thống thu gom nước thải tập trung được đầu tư hoàn thiện có đường ống dẫn nước thải đi qua khu vực Dự án:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại vị trí đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước tập trung .

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1).

5.2.2. Giám sát nước mặt:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tiếp nhận nước thải tại suối nhỏ gần Dự án.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, SS, COD, amoni, tổng photpho, tổng nitơ, tổng colifom.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:



6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.2. Toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định, không để nước thải chưa xử lý thải ra nguồn tiếp nhận.

6.3. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.4. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.5. Trong quá trình triển khai, nếu Dự án có những thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.6. Thực hiện các yêu cầu của địa phương về việc ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án tại Công văn số 23/UBND-SX ngày 10/02/2023 của UBND xã Đa Kìa, Công văn số 02/MTTQ ngày 10/02/2023 của UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Đa Kìa và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 10/02/2023 tại xã Đa Kìa. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.7. Đối với lượng đất còn dư (chất thải rắn xây dựng), trường hợp Chủ Dự án di dời lượng đất dư này ra ngoài khu vực Dự án thì phải thực hiện các thủ tục liên quan đến khai thác khoáng sản theo quy định tại Luật Khoáng sản, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.